

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2018/HSST
Ngày 20- 3 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh và ông Đường Ngọc Đại.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Đình Hiệp, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên tham gia phiên toà: Ông Lưu Hoàng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 06/2018/HSST ngày 08/02/2018 đối với bị cáo: Bùi Thị L, sinh ngày 19/11/1968; Trú tại: Tổ X, phường T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Bùi Văn S (đã chết) và con bà Đào Thị Q (đã chết); có chồng là Trần Anh T và có 2 con, lớn sinh năm 1990 và nhỏ sinh năm 1991; Tiền sự: không.

- Tiền án: 01. Cụ thể: Tại Bản án số: 44/2015/HSST ngày 24/6/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc bị xử phạt 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 02 năm 06 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội: “Đánh bạc”, chưa xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2017 cho đến nay, có mặt.

- Người làm chứng:

Anh Trần Đông C, sinh năm 1989, vắng mặt

Trú tại: Khu X, xã T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Anh Nguyễn Danh M, sinh năm 1994, vắng mặt.

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận

tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 17 giờ 12 phút ngày 05/12/2017, Bùi Thị L đang ở nhà trọ của mình tại tổ x, phường T, thị xã P thì nhận được điện thoại của 01 đối tượng tự khai tên là Lê Đức T, sinh năm 1994 ở thôn K, xã N, thị xã P. T gọi điện thoại cho L đặt vấn đề hỏi mua ma túy, L đồng ý và hẹn gặp T tại ngã tư đình T. Sau đó, T thuê xe ôm của anh Trần Đông C đi đến chỗ hẹn, còn Bùi Thị L cầm theo ma túy đá rồi bộ từ nhà trọ của mình đến cổng nhà thờ họ thuộc tổ x, phường T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc và đợi T tại đó. Một lúc sau, L gọi điện cho T nói: “*Em đến ngõ gần cổng nhà thờ họ đi, chị đợi ở đó*”, T trả lời: “*Vâng, em gần đến rồi*”. Sau đó T bảo anh C đưa đến gần cổng nhà thờ họ, gần đến nơi T bảo anh C dừng xe rồi trả tiền thuê xe ôm hết 10.000đ, T đi bộ đến gặp L. Khi gặp T đưa cho Bùi Thị L số tiền 500.000đ để mua ma túy, L cầm tiền rồi đưa lại cho T 01 túi nilon đựng ma túy đá. Khi hai bên vừa thực hiện xong việc mua bán thì bị Công an thị xã Phúc Yên phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng tang vật.

Ngày 06/12/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phúc Yên tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở trọ của Bùi Thị L tại tổ x, phường T, thị xã P, phát hiện thu giữ một số dụng cụ để sử dụng ma túy.

** Vật chứng thu giữ:*

Thu giữ trên người T: 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa các tinh thể dạng đá màu trắng (T khai đó là túi ma túy đá vừa mua được của L), được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG màu đen bạc;

Thu giữ trên người L số tiền 500.000đ (L khai đó là tiền bán ma túy cho T), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ đen.

Thu giữ nơi Bùi Thị L ở trọ: 01 bộ bình sử dụng ma túy đá và 01 bật lửa gas màu đỏ là công cụ L sử dụng ma túy.

Tại Bản kết luận giám định số: 1486/KLGD ngày 09/12/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc đối với vật chứng thu giữ được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1, kết luận: “*Tinh thể dạng đá của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng (trọng lượng) là 0,1417g (không phải một bốn một bảy gam, không kể bao bì), loại: Methamphetamine*”. Cơ quan giám định đã hoàn lại sau giám định là 0,0711 gam mẫu cùng toàn bộ bao gói.

Đối với đối tượng tự khai tên là Lê Đức T, sinh năm 1994 ở thôn K, xã N, thị xã P mua ma túy của Bùi Thị L, qua xác minh tại địa phương không có ai có nhân thân, lý lịch như trên nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Về nguồn gốc ma túy L khai mua của một người đàn ông không quen

biết tại khu vực ga Phúc Yên thuộc phường T, thị xã P. Quá trình điều tra chưa xác định được danh tính cụ thể, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Đối với anh Trần Đông C là người lái xe ô tô được T thuê để đi mua ma túy. Quá trình điều tra vụ án xác định, khi được T thuê chở anh C không biết được mục đích của T đi mua ma túy nên không đề cập xử lý.

Đối với 0,0711 gam mẫu cùng toàn bộ bao gói sau giám định, 01 bộ bình sử dụng ma túy, 01 bật lửa gas màu đỏ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG màu đen bạc, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ đen và số tiền 500.000đ là tiền mua bán ma túy được chuyển theo hồ sơ vụ án chờ xử lý.

Tại cơ quan điều tra Bùi Thị L đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 09/KSĐT- MT ngày 07 tháng 02 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên đã truy tố Bùi Thị L về tội: “ Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đối với bị cáo Bùi Thị L. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, khoản 2 Điều 51 và khoản 5 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt Bùi Thị L từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt 01 năm 03 tháng tù của Bản án số: 44/2015/HSST ngày 24/6/2015; buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 03 năm 09 tháng tù đến 04 năm 03 tháng tù . Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 05/12/2017, được trừ thời gian tạm giữ của Bản án trước từ ngày 26/01/2015 đến ngày 04/02/2015, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề xuất về việc xử lý vật chứng của vụ án như Bản cáo trạng đã đề cập.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Đối tượng mua ma túy của L tự khai tên là Lê Đức T, sinh năm 1994 ở thôn K, xã N, thị xã P tại cơ quan điều tra đã trình bày: Khoảng 17 giờ 12 phút ngày 05/12/2017, T có gọi điện cho Bùi Thị L hỏi mua ma túy, L đồng ý và hai bên hẹn gặp nhau tại ngã tư đình Trưng Nhị thuộc tổ x, phường T, thị xã P. Sau đó, T thuê xe ô tô của anh Trần Đông C đi đến chỗ hẹn, khi gặp T đưa cho Bùi Thị L số tiền: 500.000đ để mua ma túy, L cầm tiền rồi đưa lại cho T 01 túi nilon đựng ma túy đá. Khi hai bên vừa thực hiện xong việc mua bán thì bị Công an thị xã Phúc Yên phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng tang

vật.

Người làm chứng anh Nguyễn Danh M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình điều tra anh M trình bày: Khoảng 17 giờ 25 phút ngày 05/12/2017 anh có chứng kiến tại ngã tư đình T có một người phụ nữ sau này biết tên là Bùi Thị L có cầm tiền và đưa cho một người thanh niên, 01 gói túi nilon màu trắng. Sau đó Công an mời anh làm chứng ký vào biên bản về bắt quả tang Bùi Thị L bán ma túy cho người thanh niên tự khai là Lê Đức T.

Người làm chứng anh Trần Đông C Nguyễn Danh M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình điều tra anh C trình bày: Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 05/12/2017 anh có chở một thanh niên đến ngã tư đình T, sau đó anh được Công an mời đến chứng kiến việc bắt quả tang một người phụ nữ tên Bùi Thị L bán ma túy cho người thanh niên đi xe ôm của anh, người thanh niên này tự khai tên là Lê Đức T.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc, bị cáo khai nhận: vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 05/12/2017, tại khu vực cổng nhà thờ họ thuộc tổ x, phường T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc Bùi Thị L đã có hành vi bán trái phép 01 gói ma túy với giá 500.000đ cho đối tượng tự khai tên là Lê Đức T sinh năm 1994 ở thôn K, xã N, thị xã P thì bị công an phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng tang vật.

[3] Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt

người phạm tội quả tang, bản kết luận giám định số: 1486/KLGD ngày 09/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Hành vi bán trái phép 01 gói ma túy có trọng lượng 0,1417gam Methamphetamine với giá 500.000đ của bị cáo đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần phải đưa ra để xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo sinh ra và lớn lên trong gia đình lao động, bản thân được gia đình nuôi ăn học hết lớp 11 thì ở nhà, tháng 11 năm 2017 bị cáo nghiện ma túy. Bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử, tại Bản án số: 44/2015/HSST ngày 24/6/2015 Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đã xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội: “Đánh bạc”. Nhưng bị cáo không coi đó là bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân, khi chưa chấp hành xong thời gian thử thách bị cáo lại cố ý tiếp tục phạm tội, nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999. Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của Bản án trước theo quy định tại khoản 2 Điều 51 và khoản 5 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy Hội đồng xét xử cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, xong cần phải áp dụng hình phạt tù giam mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo L bán ma túy nhằm mục đích thu lợi bất chính. Nhưng qua xác minh và làm rõ tại phiên tòa bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên về hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Cần tịch thu tiêu hủy 0,0711 gam mẫu cùng toàn bộ bao gói do cơ

quan giám định hoàn lại và 01 bộ bình sử dụng ma túy và 01 bật lửa gas màu đỏ.

Cần tịch thu, bán sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG màu đen bạc và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ đen, vì L và T đã sử dụng để liên lạc mua bán ma túy.

Số tiền 500.000đ là tiền mua bán ma túy, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước

Đối với đối tượng tự khai tên là Lê Đức T, sinh năm 1994 ở thôn K, xã N, thị xã P mua ma túy của Bùi Thị L, qua xác minh tại địa phương không có ai có nhân thân, lý lịch như trên nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với người đàn ông không quen biết L mua ma túy tại khu vực ga Phúc Yên thuộc phường T, thị xã P, quá trình điều tra chưa xác định được danh tính cụ thể, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với anh Trần Đông C chở T đi gặp L, nhưng không biết mục đích T mua ma túy của L, nên Công an không đề cập xử lý, là phù hợp.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị L phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, khoản 2 Điều 51 và khoản 5 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Bùi Thị L 03 (Ba) năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù của Bản án số: 44/2015/HSST ngày 24/6/2015; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 05/12/2017, được trừ thời gian tạm giữ của Bản án trước từ ngày 26/01/2015 đến ngày 04/02/2015.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu, tiêu hủy mẫu A1 là 0,0711 gam do cơ quan giám định hoàn lại, 01 bộ bình sử dụng ma túy và 01 bật lửa gas màu đỏ.

Tịch thu, bán sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG màu đen bạc và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ đen.

Tịch thu, sung công quỹ nhà nước số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

(Vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ng giữa Công an thị xã

Phúc Yên với Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên lập ngày 08 tháng 02 năm 2018).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Bùi Thị L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên;
- Thi hành án thị xã Phúc Yên;
- Sở tư pháp Vĩnh Phúc;
- CA TX.Phúc Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

LƯU THỊ THÚY

